

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HS-PT

Ngày 06 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Thái.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ R số: 122/2022/TLPT - HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Triệu Thị A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2022/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Triệu Thị A, sinh ngày 24/6/1987 tại huyện Ǻ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Xóm Ǻ, xã B, huyện Ǻ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đức Đ (đã chết) và bà Triệu Thị T; có chồng Dương Kim A (đã ly hôn năm 2018) và 02 con, con lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/01/2022 đến ngày 26/01/2022 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt);

- Người bào chữa cho bị cáo A: Ông Lê Văn D – Trợ giúp viên pháp R của Trung tâm Trợ giúp pháp R Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/01/2022, Triệu Thị A là chủ quán Cafe tầm quất 388 có địa chỉ tại thôn C, xã D, huyện Đ đang ở quán Cafe thì có đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn E (tên gọi khác là Linh) ở thôn G, xã G, huyện H, tỉnh Tuyên Q gọi điện thoại đến cho A và nói với A, bố trí cho E 04 người để tỷ chơi. A hiểu ý của E là bảo A bố trí cho E 04 người để bán dâm cho E và bạn của E. A đồng ý, tuy nhiên lúc này quán của A chỉ có A, chị Đặng Thị I ở khu 8, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ và chị Bùi Thị M ở thôn N, xã O, huyện O, tỉnh Yên Bái là nhân viên đang làm việc tại quán của A nên A nói với E rằng quán chỉ có 03 người. E hẹn với A 30 phút sau sẽ đến quán của A để mua dâm. Sau khi trao đổi với A xong, E rủ anh Nguyễn Văn Ô, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Văn Q là bạn của E ở cùng thôn với E đi đến quán Cafe 388 của A để mua dâm, tất cả đều đồng ý và cùng nhau đi đến quán của A. Do trước đó, anh Ô được anh E cho biết, quán của A chỉ có 03 người nên khi đi đến địa phận thôn C, xã D, huyện Đ anh Ô chủ động đi thẳng vào quán Cafe đâm lưng tầm quất 08 do chị Vũ Thị R là người ở thôn 7, xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ làm chủ quán để hỏi mua dâm với chị R, còn E, Q và P đi đến quán Cafe của A để hỏi mua dâm. Tại quán của chị R, anh Ô hỏi chị R, có gái bán dâm không. Chị R trả lời có, do quán của chị R chỉ có một mình chị R là chủ quán không có nhân viên nên chị R đã đồng ý bán dâm cho Ô.

E, Q và P đến quán Cafe của A gặp A. Tại đây, E nói với A “*có hàng không?*” ý là hỏi A có gái bán dâm không. A hiểu ý của E nên trả lời E là “*có 02 người*”. Lúc này tại quán của A có chị I và chị M đang ngồi ở bên trong quán. Tại đây, E hỏi A “*Bao nhiêu tiền một người*”, A hiểu ý của E và nói với E “*400.000đ/01 người/01 lượt*”. E lấy 1.000.000đ (Một triệu đồng) ra đưa cho A, A cầm tiền và trả lại cho E 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Do thiếu gái bán dâm nên E nhường cho P và Q mua dâm trước còn E đợi A bố trí người bán dâm sau. Sau khi nhận tiền, A nói với chị I và chị M đi đến nhà nghỉ Huyền Trang ở thôn Vật Cách, xã D, huyện Đ để thuê phòng nghỉ thực hiện hành vi bán dâm, A phân công cho chị I bán dâm cho P, còn chị M bán dâm cho Q. A đưa cho chị I và chị M mỗi người 400.000đ để trả tiền phòng, số tiền còn lại thì chị I, chị M và A về chia nhau sau. Sau khi bố trí gái bán dâm cho anh P và anh Q xong, A nói với E ngồi đợi để A bố trí người bán dâm cho E sau, E đồng ý. Cùng lúc, chị R là chủ quán Cafe 08 đến gặp anh E tại quán của A để lấy tiền mua dâm của anh Ô do anh Ô nói với chị R là E trả tiền mua dâm hộ anh Ô. Thấy chị R sang quán của A đòi tiền mua dâm của anh Ô nên E hỏi chị R “*Bao tiền*”, chị R trả lời là 300.000đ. E đưa cho chị R 500.000đ, chị R trả lại cho E 200.000đ tiền

thừa, xong rồi chị R đi về quán của mình và thực hiện hành vi bán dâm cho anh Ô. Trong lúc chị R đang thực hiện hành vi bán dâm thì bị tổ công tác của Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang nên tiến hành lập biên bản thu giữ của chị R số tiền 500.000đ E vừa đưa cho, 01 lõi bao cao su và 01 vỏ bao cao su. Sau khi trả hộ tiền mua dâm cho anh Ô, E tiếp tục ngồi đợi A bố trí gái bán dâm cho E.

Theo sự chỉ đạo của A, chị I và chị M đi đến nhà nghỉ Huyền Trang để thuê phòng. Tại đây, chị I thuê phòng 301 để bán dâm cho P, còn chị M thuê phòng 302 để bán dâm cho Q. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ Huyền Trang đã phát hiện chị I đang bán dâm cho P và chị M đang bán dâm cho Q nên tổ công tác đã lập biên bản sự việc và thu giữ A bộ vật chứng liên quan. Thu giữ của chị I 500.000đ và thu của chị M 400.000đ; 01 bao cao su đã qua sử dụng 04 bao cao su chưa qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su đều có nhãn hiệu EROS, 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Thị I, 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Thị M.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Triệu Thị A. Quá trình khám xét đã thu giữ được 11 bao cao su các loại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 bên trong có lắp 02 sim điện thoại và số tiền 300.000đ.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 vỏ bao cao su + 02 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su chưa sử dụng các loại và 1.700.000đ VNĐ, trong đó thu của Triệu Thị A 300.000đ, thu của Đặng Thị I 500.000đ; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Thị I; thu của Bùi Thị M 400.000đ; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Thị M; thu của Vũ Thị R 500.000đ và thu của Triệu Thị A 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 là bên trong có 02 thẻ sim.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2022/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định.

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thị A phạm tội “*Môi giới mại dâm*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị A 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/01/2022 đến ngày 26/01/2022.

Ngoài ra quyết định còn tuyên xử R vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, bị cáo Triệu Thị A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản

1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân bị cáo trước khi phạm tội là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa 02/12 nên nhận thức pháp luật kém, bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ thường xuyên đau ốm. Bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và cho hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Triệu Thị A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/01/2022, Triệu Thị A là chủ quán Cafe tầm quất 388 địa chỉ tại thôn C, xã D, huyện Đ đang ở quán thì có đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn E gọi điện thoại đến để hỏi mua dâm, A đồng ý và bố trí chị Đặng Thị I và chị Bùi Thị M bán dâm cho nhóm người của E với giá 400.000đ/01 lần/01 người. Trong lúc chị I và chị M đang bán dâm cho nhóm người của E tại nhà nghỉ Huyền Trang ở thôn Vật Cách, xã D, huyện Đ thì bị tổ công tác của Công an huyện Đ kiểm tra hành chính phát hiện nên tiến hành lập biên bản và thu giữ A bộ vật chứng có liên quan.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Triệu Thị A về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Triệu Thị A, Hội đồng xét xử thấy: Tính chất vụ án là nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến lối sống đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị

cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Triệu Thị A không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo như tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật kém, có chồng nhưng đã ly hôn, hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ trong đó có một cháu bị bệnh động kinh cần sự chăm sóc của người mẹ bản thân bị cáo lại là người có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và là xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Triệu Thị A.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị A 03 (Ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/01/2022 đến ngày 26/01/2022.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản R và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Triệu Thị A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu HS, Văn phòng, Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Văn Thái

